

Số: 394 /QĐ-TDTTBN

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc ban hành mục tiêu, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo
trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-TDTTBN ngày 25/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc thành lập Ban chỉ đạo và các Ban chuyên môn ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-TDTTBN ngày 31/7/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của 04 chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về việc ban hành Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Xét theo đề nghị của Ban xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mục tiêu và 04 chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh gồm:

- 1) Mục tiêu, chuẩn đầu ra ngành Giáo dục thể chất.
- 2) Mục tiêu, chuẩn đầu ra ngành Huấn luyện thể thao.
- 3) Mục tiêu, chuẩn đầu ra ngành Quản lý Thể dục thể thao.
- 4) Mục tiêu, chuẩn đầu ra ngành Y sinh học Thể dục thể thao.

(Có văn bản kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các đơn vị, các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (BC);
- Như điều 3 (T/h);
- Lưu VT, KTĐBCLGD (K10).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. *Nguyễn Văn Phúc*

CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(Mã số: 7140206)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 394/QĐ-TD-TTBN ngày 19/4/2019 của
Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh)*

Tên ngành đào tạo: Giáo dục thể chất

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu:

Đào tạo nguồn nhân lực Thể dục thể thao có đầy đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị. Có kiến thức và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy

Có năng lực trong công tác quản lý, giảng dạy, tổ chức thi đấu, trọng tài.

Tổ chức các hoạt động, sự kiện Thể dục thể thao phục vụ cộng đồng; Hợp tác quốc tế phát triển lĩnh vực Thể dục thể thao.

1.2. Chuẩn đầu ra:

Sinh viên chương trình đào tạo cử nhân TDTT sau khi tốt nghiệp sẽ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, đạo đức như sau:

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức:

Sinh viên được trang bị những kiến thức liên quan đến các khái niệm, phương pháp luận và công nghệ về khoa học cơ bản, về kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực TDTT. Bao gồm 3 khối kiến thức:

1.2.1.1. Khối kiến thức cơ bản: Nhằm trang bị cho sinh viên:

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Nắm vững và vận dụng thành thạo các nguyên tắc, phương pháp khoa học thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên trong giảng dạy theo hướng cơ bản, hệ thống, phù hợp với thực tiễn phát triển TDTT Việt Nam.

Có kiến thức cơ bản về tổ chức quản lý.

Có kiến thức về tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực TDTT,

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh văn phòng

Trình độ tin học: Đạt trình độ B, tin học văn phòng. *100%*

1.2.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành:

Có trình độ, kỹ năng về huấn luyện- giảng dạy, giáo dục theo hướng cơ bản, khoa học và hiện đại về TĐTT.

- Có kiến thức cơ bản về nguyên lý giáo dục, có kiến thức về công tác tổ chức thi đấu các môn thể thao trong trường học;
- Có kiến thức tổ chức, hoạt động công tác đoàn, đội.

Có kiến thức cơ bản các môn thể thao không chuyên sâu và tối thiểu đạt trình độ 2 đẳng cấp III môn thể thao khác.

1.2.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành:

Nắm vững và vận dụng tốt cơ sở lý luận và thực hành môn thể thao chuyên ngành.

Có kiến thức về tổ chức thi đấu, trọng tài môn thể thao chuyên ngành.

Biết xây dựng kế hoạch huấn luyện ngắn hạn, dài hạn môn thể thao chuyên ngành.

Đạt trình độ tương đương đẳng cấp II trở lên ở môn thể thao chuyên ngành.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng:

1.2.2.1 Kỹ năng cứng:

Biết tổ chức và triển khai quá trình giảng dạy theo yêu cầu của giờ học

Biết tổ chức điều hành huấn luyện và giáo dục một số các khoa học, hệ thống và phù hợp đối tượng.

Biết phân tích và tổng hợp, kiểm tra, theo dõi đối tượng giảng dạy.

Hình thành được phương pháp tự học tập để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nắm vững và sử dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học phục vụ cho thực tiễn công tác.

Đạt thành tích thể thao ở trình độ vận động viên tương đương cấp II trở lên, có tri thức quân sự và thể lực tốt.

Có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài và điều hành các giải thi đấu thể thao.

Có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ trong lĩnh vực TĐTT.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm:

Có khả năng cảm thụ, sáng tạo với tư duy sâu sắc, độc lập linh hoạt trong tổ chức, quản lý, giảng dạy .

Có khả năng giao tiếp, làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

Kỹ năng nhận thức, phân tích, nghiên cứu và giải quyết vấn đề dựa trên nền tảng kiến thức đã được trang bị.

Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản chuyên môn như: kế hoạch công tác, chương trình giảng dạy, giáo án, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết, báo cáo công tác và các loại công văn giấy tờ nghiệp vụ khác.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ:

Trung thành với tổ quốc, có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt.

Năng động, cập nhật kiến thức và phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo trong công việc.

Có ý thức trách nhiệm, có có lòng say mê nghề nghiệp được đào tạo, hết lòng phấn đấu cho sự nghiệp thể dục thể thao và đào tạo tài năng thể thao.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành GDTC trình độ đại học có khả năng giảng dạy môn học giáo dục thể chất trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, có thể đảm nhận công việc của người cán bộ TDTT trong các tổ chức xã hội, lĩnh vực kinh doanh, các cơ quan quản lý nhà nước về TDTT.

1.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

Các cử nhân ngành GDTC có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu lên trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. 

CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO

(Mã số: 7140207)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-TDTTBN ngày 19/ 4 /2019 của
Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh)*

Tên ngành đào tạo: Huấn luyện thể thao (HLTT)

Tên tiếng Anh: Sports training

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu:

Đào tạo nguồn nhân lực Thể dục thể thao có đầy đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị. Có kiến thức và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể thao;

Có năng lực trong công tác tuyển chọn, quản lý huấn luyện vận động viên, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao.

Tổ chức các hoạt động, sự kiện Thể dục thể thao phục vụ cộng đồng; Hợp tác quốc tế phát triển lĩnh vực Thể dục thể thao.

1.2. Chuẩn đầu ra:

Sinh viên chương trình đào tạo cử nhân TDTT sau khi tốt nghiệp sẽ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, đạo đức như sau:

1.2.1. Về kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức chung

☐ Kiến thức về lý luận chính trị

- Hiểu và vận dụng hệ thống tri thức khoa học và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin.

- Hiểu kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và vận dụng trong công việc cũng như trong cuộc sống.

• ☐ Kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường

- Áp dụng những kiến thức đã được học để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật trong thực hiện công việc và trong cuộc sống;

- Tích cực tham gia bảo vệ môi trường góp phần cho việc phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

• ☐ *Kiến thức về tin học*

- Sử dụng thành thạo và khai thác được các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng; khai thác một số dịch vụ cần thiết trên Internet;
- Biết cách khai thác được các cơ sở dữ liệu của Việt Nam và thế giới.

• ☐ *Kiến thức về ngoại ngữ*

- Tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp; Nghe hiểu các nội dung trao đổi trong các cuộc trao đổi, hội nghị, hội thảo quốc tế;
- Vận dụng ở mức độ trung bình tiếng Anh học thuật trong công việc.

• ☐ *Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh*

- Hiểu nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào điều kiện tác chiến thông thường.
- Hiểu và vận dụng những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương để củng cố và tăng cường sức khỏe. Sử dụng các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đặc thù. Vận dụng những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao ngoại khóa cộng đồng.

1.2.1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng ở mức trung bình các kiến thức TDDT trong công việc hướng dẫn, quản lý, thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo;
- Xây dựng kế hoạch và phân tích ở mức độ khá các kỹ năng tổ chức hoạt động TDDT;
- Sử dụng được các phần mềm để phân tích, đánh giá các hoạt động TDDT và áp dụng vào nghiên cứu khoa học.

1.2.1.3. Kiến thức của khối ngành

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về luật TDDT để tổ chức, quản lý các hoạt động TDDT;
- Vận dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp. Biết giải thích, phân tích, đánh giá được các vấn đề liên quan đến TDDT.
- Lựa chọn và vận dụng phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả.
- Vận dụng ở mức độ trung bình các phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê phục vụ cho công việc quản lý, huấn luyện, hướng dẫn hoạt động TDDT.

1.2.1.4. Kiến thức của nhóm ngành

- Hiểu và biết áp dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành TDDT làm nền tảng cho việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực TDDT;
- Hiểu được mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực TDDT.

- Phân tích, đánh giá và vận dụng các nguyên lý cơ bản và nâng cao về TĐTT để xử lý các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực hợp tác phát triển TĐTT.

1.2.1.5. Kiến thức ngành

- Hiểu và áp dụng các kiến thức, phương pháp luận về TĐTT... để phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn xảy ra trong lĩnh vực TĐTT ở mức độ khá;
- Tổng hợp, phân tích và đánh giá xu hướng phát triển TĐTT và kiến nghị giải pháp;
- Nắm vững và vận dụng tốt trong thực tiễn những kiến thức cơ bản về lý luận, khoa học và phương pháp huấn luyện thể thao hiện đại;
- Có trình độ khá về kỹ năng huấn luyện - giảng dạy, giáo dục theo hướng cơ bản, khoa học và hiện đại về TĐTT;
- Có kiến thức cơ bản về nguyên lý giáo dục, chuyên ngành HLTT cũng như các kiến thức liên quan đến công tác giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao và trọng tài mức độ tốt ở môn thể thao chuyên ngành.

1.2.2. Về kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng chuyên môn

• □ Các kỹ năng nghề nghiệp

- Vận dụng tốt kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực TĐTT; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.
- Có kỹ năng xử lý tốt các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực TĐTT.

• □ Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Lập luận, phân tích các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực TĐTT, như phân tích, đánh giá các xu hướng phát triển TĐTT khu vực và toàn cầu, xu hướng và sự hợp tác, đầu tư từ các nguồn lực xã hội hóa... đưa ra những hướng giải quyết cụ thể ở mức độ khá.

• □ Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề trong lĩnh vực TĐTT ở mức độ khá;
- Sử dụng ở mức trung bình các phương pháp nghiên cứu thích hợp để phân tích, đánh giá và dự báo xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về TĐTT.

• □ Khả năng tư duy theo hệ thống

- Có khả năng lập luận, tư duy logic và hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực TĐTT ở mức độ trung bình.

• □ Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Nhận thức và thích nghi với bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để phát triển nghề nghiệp và công việc chuyên môn ở mức độ khá.
- Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của cá nhân với xã hội và cơ quan công tác.

• □ Hiểu bối cảnh tổ chức

- Hiểu rõ được văn hóa tổ chức, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển của tổ chức.
- Nhận thức và thích nghi được bối cảnh tổ chức để phát triển nghề nghiệp và công việc chuyên môn ở mức độ khá.

• ☐ *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*

- Vận dụng ở mức độ khá các kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.

- Có năng lực phân tích yêu cầu, đề xuất giải pháp và thực thi giải pháp ở mức độ khá.

• ☐ *Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*

- Có sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.

- Biết đề xuất các phương pháp mới đưa lại lợi ích cho tổ chức, cộng đồng, xã hội.

1.2.2.2. Kỹ năng bổ trợ

• ☐ *Các kỹ năng cá nhân*

- Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân.

- Có tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, biết đề xuất sáng kiến ở mức độ khá.

• ☐ *Làm việc theo nhóm*

- Hình thành, vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả;

- Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm;

- Biết cách chia sẻ thông tin và điều hoà các mối quan hệ trong nhóm trong nhóm;

- Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.

• ☐ *Quản lý và lãnh đạo*

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo được hình thành trong quá trình học tập thông qua các phương pháp học tập tích cực và làm việc theo nhóm. Bao gồm: Kỹ năng quản lý thời gian, nguồn lực; Kỹ năng xây dựng và thực hiện quy trình tổ chức sự kiện.

• ☐ *Kỹ năng giao tiếp*

- Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng ở mức độ tốt;

- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail).

- Biết cách huy động các nguồn tài trợ cho dự án, sự kiện ở mức độ khá.

• ☐ *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Giao tiếp tốt được bằng tiếng Anh, có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành TĐTT; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

- Trình độ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

• ☐ *Các kỹ năng bổ trợ khác*

- Đương đầu với thách thức, rủi ro;

- Thích nghi đa văn hóa.

- Sử dụng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS,...) trong công việc. Sử dụng thành thạo Internet, thiết bị văn phòng.

1.2.3. Về phẩm chất đạo đức

1.2.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Lễ độ; Khiêm tốn; Nhiệt tình; Trung thực.
- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn.

1.2.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trách nhiệm trong công việc;
- Trung thành với tổ chức;
- Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức;
- Thích ứng với môi trường đa văn hóa.

1.2.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tôn trọng pháp luật;
- Có tinh thần kỷ luật cao;
- Có trách nhiệm với xã hội;
- Nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội;
- Có lối sống tích cực.

1.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong lĩnh vực TDDT; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường đa văn hóa.
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.
- Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn trong lĩnh vực TDDT.
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

1.2.5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong tổ chức.
☐ Có khả năng đảm nhận các công việc trợ lý hay chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động TDDT tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương;
- Có khả năng tham gia huấn luyện đội tuyển TDDT, hướng dẫn viên các CLB TDDT và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực TDDT;
- Có khả năng đảm nhận các công việc liên quan đến lập kế hoạch, giám sát hay thực thi các hoạt động về TDDT tại các doanh nghiệp của Việt Nam, các công ty, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài;

1.2.6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên Chất lượng cao ngành Thể dục thể thao có thể tiếp tục học sau đại học tại ngành đào tạo thuộc lĩnh vực TDDT trong nước hoặc có thể tiếp tục học tập bậc cao hơn tại các cơ sở đào tạo nước ngoài.

CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO

(Mã số: 7810301)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 394 /QĐ-TDTTBN ngày 19 /4 /2019 của
Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh)*

Tên ngành đào tạo: Quản lý thể dục thể thao

Tên tiếng Anh: Sport and Physical education management

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu:

- Đào tạo trình độ đại học ngành quản lý thể dục thể thao.
- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý luận, khoa học quản lý nói chung và quản lý thể dục thể thao nói riêng, đáp ứng nhu cầu quản lý, nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng trong quản lý các hoạt động thể dục thể thao.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Kiến thức

- Nắm được những vấn đề cơ bản về nguyên lý chủ nghĩa Mac- Lê nin. Hiểu về đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam, nắm vững những điểm chính về Tư tưởng Hồ Chí minh.
- Hiểu biết căn bản về thực trạng và xu hướng của hoạt động kinh tế liên quan đến lĩnh vực thể dục thể thao trong nước và quốc tế.
- Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý TDTT nói riêng, đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý trong lĩnh vực TDTT.
- Hiểu rõ những lý thuyết cơ bản về công tác quản lý TDTT: Các chức năng ,nhiệm vụ của quản lý. Nắm vững các vấn đề về pháp luật liên quan tới hoạt động quản lý của tổ chức xã hội có hoạt động TDTT
- Biết ứng dụng những kiến thức được trang bị vào việc quản lý lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo cũng như nắm được phương pháp và quy trình nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý TDTT.
- Nắm được kiến thức cơ bản về các môn thể thao quần chúng và các môn thể thao thành tích cao, tối thiểu đạt trình độ 3 đẳng cấp III môn thể thao.
- Biết tổ chức các hoạt động TDTT.

- Nắm được nội dung, quy trình và phương pháp quản lý đối với các lĩnh vực hoạt động TDTT: Quản lý sân bãi; Quản lý TDTT quần chúng; Quản lý TDTT thành tích cao; Quản lý TDTT giải trí; Quản lý các hợp đồng kinh doanh trong lĩnh vực TDTT...
- Nắm vững nội dung, phương pháp cũng như hiểu được sự cần thiết và tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược quản lý cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực TDTT.

1.2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các thông tin có tính chất phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo trong lĩnh vực quản lý hoạt động TDTT.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức khoa học quản lý nói chung và quản lý TDTT nói riêng như công tác lập kế hoạch, xúc tiến quá trình quản lý... vào quản lý các cơ sở TDTT và cộng đồng.
- Vận dụng được các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý TDTT trong giải quyết công việc.
- Kỹ năng tư vấn và phát triển TDTT trong xã hội.
- Kỹ năng tổ chức các hoạt động TDTT cơ sở, kỹ năng giảng dạy môn quản lý TDTT và nghiên cứu khoa học theo hướng quản lý TDTT.
- Vận dụng và thao tác được những kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn cơ bản về quản lý (Quản lý nhân sự, quản lý chiến lược, quản lý tài chính, quản lý Marketing trong TDTT, quản lý sân bãi dụng cụ...)
- Thiết lập và quản lý các chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp và tổ chức có hoạt động TDTT.
- Tổ chức, lãnh đạo và điều hành hoạt động của câu lạc bộ với vai trò của một nhà quản trị cấp cơ sở hoặc cấp trung gian.
- Có khả năng làm việc độc lập và khả năng thuyết trình tốt.
- Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả
- Có kỹ năng giải quyết nhiều loại công việc cùng lúc trong phục vụ TDTT cho mọi người.
- Biết sử dụng tổng hợp các kỹ năng trong giao tiếp như: Đàm phán, giao tiếp, đặt câu hỏi, thuyết trình, xử lý các tình huống trong quá trình hoạt động TDTT.
- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp. Nắm vững chủ trương chính sách của đảng và pháp luật nhà nước, đặc biệt là đường lối của đảng trong lĩnh vực TDTT.
- Có phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp, có tính tự chủ và sáng tạo trong công việc.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của cơ quan

- Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao. Có lòng yêu nghề và đạo đức nghề nghiệp
- Có tinh thần đoàn kết, cầu tiến, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân bên ngoài đơn vị.
- Tự tin, mạnh dạn trong hoạt động và công tác.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý xã hội về TĐTT như: Các vụ thuộc tổng cục TĐTT, Phòng nghiệp vụ TĐTT, Trung tâm đào tạo và huấn luyện TĐTT, Phòng văn hóa TĐTT, Nhà thi đấu TĐTT, Các câu lạc bộ TĐTT, Các trường năng khiếu TĐTT.....; trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh về TĐTT hoặc tham gia giảng dạy TĐTT các cấp, nghiên cứu khoa học TĐTT trong các cơ sở đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học,...

1.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu lên trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. 

CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO
(Mã số: 720305)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 394/QĐ-TD-TTBN ngày 19 / 4 /2019 của
Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh)*

Tên ngành đào tạo: Y sinh học Thể dục thể thao

Tên tiếng Anh: (Sport biomedical science)

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu:

Đào tạo nguồn nhân lực Thể dục thể thao có đầy đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị. Có kiến thức và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy, phục vụ xã hội trong lĩnh vực y sinh học TDTT.

Tổ chức các hoạt động, sự kiện Thể dục thể thao phục vụ cộng đồng; Hợp tác quốc tế phát triển lĩnh vực y sinh học Thể dục thể thao.

1.2. Chuẩn đầu ra:

Sinh viên chương trình đào tạo cử nhân TDTT sau khi tốt nghiệp sẽ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, đạo đức như sau:

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức:

Kiến thức về khoa học xã hội

- Nắm được những vấn đề cơ bản về Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Hiểu và cập nhật được các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như định hướng phát triển đất nước trong từng giai đoạn.

Kiến thức về khoa học tự nhiên

Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

Kiến thức chuyên môn chung của ngành

Kiến thức về thể dục thể thao:

- Có kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động Thể dục thể thao(TD-TT) quần chúng và thể thao thành tích cao.

- Có kiến thức cơ sở về Lý luận và Phương pháp TDTT. *100*

- Đạt tiêu chuẩn vận động viên đẳng cấp III của 03 môn thể thao tự chọn.

Kiến thức về Y sinh học:

- Hiểu biết cơ bản về thực trạng và xu hướng thay đổi về Y sinh học thể dục thể thao trong nước và quốc tế.
- Nắm vững những vấn đề cơ bản về cấu tạo, chức năng và hoạt động của cơ thể người trong trạng thái bình thường, trong hoạt động vận động và bệnh lý.
- Có kiến thức cơ bản về y học dự phòng trong xác định các tác động của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và nghề nghiệp đến sức khỏe.

Kiến thức chuyên ngành

- Nắm vững các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực y sinh học, về bệnh học, sinh lý bệnh, cấp cứu ban đầu, cách thức phòng ngừa chấn thương, phương pháp điều trị bệnh lý trong hoạt động thể thao.
- Nắm vững các nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và phương pháp xử lý bước đầu các chấn thương và các bệnh thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu thể dục thể thao.
- Có kiến thức đáp ứng yêu cầu của công tác nghiên cứu khoa học, tuyển chọn, huấn luyện vận động viên, góp phần nâng cao trình độ và thành tích thể thao.
- Nắm vững các kiến thức về vận động trị liệu, Thể dục chữa bệnh, Xoa bóp thể thao, Dinh dưỡng thể thao và hồi phục trong thể thao.

Kiến thức bổ trợ:

- Có kiến thức ngoại ngữ tương đương trình độ A2 (Theo thông tư Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014).
- Có kiến thức tin học tương đương trình độ B (quy đổi theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin)

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng:

Kỹ năng chuyên môn

- Có kỹ năng tổ chức hoạt động y tế phục vụ các giải thi đấu thể thao
- Có kỹ năng giảng dạy các môn Y sinh học thể dục thể thao, có năng lực thực hành chuyên môn về Y sinh học, vận dụng kiến thức Y sinh học thể dục thể thao trong nghiên cứu khoa học, kiểm tra, tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện của người tập thể dục thể thao.
- Có kỹ năng giảng dạy môn Thể dục và công tác y tế tại các trường bậc học phổ thông, trung cấp, cao đẳng và đại học chuyên nghiệp.
- Có kỹ năng về tư vấn, chăm sóc y tế cho vận động viên và người tập thể dục thể thao, có khả năng ứng dụng các phương tiện, các thủ pháp Y học trong sơ cứu các chấn thương, hồi phục chức năng vận động.

- Có khả năng giáo dục và tư vấn cho VĐV về chăm sóc sức khỏe và đề phòng các chấn thương, các bệnh thường gặp trong hoạt động TDTT tại các cơ sở huấn luyện và các câu lạc bộ TDTT.

- Có khả năng tư vấn, biên soạn các bài tập vận động nhằm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ điều trị các bệnh nghề nghiệp ở các ngành nghề khác nhau.

Kỹ năng hỗ trợ

- Có khả năng làm việc độc lập, và khả năng thuyết trình tốt.

- Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả, tổ chức hội thảo; đại hội các CLB TDTT.

- Thực hiện được các kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tham gia giám sát các chương trình mục tiêu về y tế dự phòng.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm; ý thức tổ chức, kỷ luật; chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của cơ quan.

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe vận động viên, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Có tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị.

1.2.4. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc

- Trong các Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao: Là cán bộ phòng y học có khả năng chăm sóc sức khỏe, y tế dự phòng trong tập luyện và thi đấu cho vận động viên, tư vấn về vệ sinh tập luyện, hồi phục chức năng và dinh dưỡng tại các đội tuyển thể thao.

- Trong các đơn vị TDTT cơ sở: Là người tổ chức các hoạt động y tế đảm bảo cho việc tập luyện và thi đấu thể thao tại đơn vị và tư vấn, thiết kế phương pháp, cách thức tập luyện cho người tập luyện thể dục thể thao.

- Trong các trường đào tạo: Là cán bộ giảng dạy các môn Y sinh học TDTT cho các trường đào tạo cán bộ TDTT, các môn thể dục thể thao trong các trường của hệ thống giáo dục quốc dân.

1.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học sau đại học thạc sĩ, tiến sĩ trong các trường đào tạo TDTT, học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường.